

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật Lý Lý Thuyết-Vật Lý Toán

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phan Hồng Khiêm

2. Ngày tháng năm sinh: 23/06/1984; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Tổ 4, Tân An, Phường Tân Vĩnh Hiệp, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Tổ 4, Tân An, Phường Tân Vĩnh Hiệp, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 06 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại nhà riêng: +84865647059 ; Điện thoại di động: +84865647059 ;

E-mail: phanhongkhiem@duytan.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/2010 đến 10/2014: Giảng viên chính tại Trường Đại Học Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Từ 10/2011 đến 10/2014: Học Tiến Sĩ tại Trường sau đại học SOKENDAI, Thành phố Tokyo, Nhật Bản.

Từ 10/2014 đến 10/2015: Nghiên cứu sau tiến sĩ tại Trung tâm nghiên cứu máy gia tốc Synchrotron Electron (gọi tắt là trung tâm máy gia tốc DESY), Thành phố Berlin, nước cộng hòa liên bang Đức.

Từ 11/2015 đến 12/2020: Giảng viên chính tại Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia, Tp. Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên, nghiên cứu viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên, nghiên cứu viên chính

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Khoa học Cơ bản và Ứng dụng (IFAS), Đại học Duy Tân, Tp. Đà Nẵng, phân viện tại Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: Số 06, Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại cơ quan: 0865647059

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Khoa Vật Lý- Vật Lý Kỹ Thuật, Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia, Tp. Hồ Chí Minh.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Chưa nghỉ hưu

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Khoa Vật Lý- Vật Lý Kỹ Thuật, Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia, Tp. Hồ Chí Minh.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 15 tháng 09 năm 2006, số văn bằng: 071VL/9-2006, ngành: Vật Lý, chuyên ngành: Vật Lý Lý Thuyết-Vật Lý Toán

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 02 tháng 06 năm 2010, số văn bằng: 231-VL/2010 , ngành: Vật Lý, chuyên ngành: Vật Lý Lý Thuyết-Vật Lý Toán

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS [5] ngày 29 tháng 09 năm 2014, số văn bằng: No.1715 , ngành: Vật Lý, chuyên ngành: Vật Lý Năng Lượng Cao- Hạt Nhân và Nguyên Tử

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại Học SOKENDAI, Thành phố Tokyo, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Duy Tân

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(a) Hướng nghiên cứu 1: Tính toán giải tích các tích phân Feynman một vòng và hai vòng với N chân ngoài trong không-thời gian d bất kỳ.

(b) Hướng nghiên cứu 2: Tính toán bổ chính điện-yếu ở mức đóng góp của các giản đồ Feynman một vòng cho các quá trình tán xạ tại các máy gia tốc tương lai.

(c) Hướng nghiên cứu 3: Hiện tượng luận Vật lý Higgs trong mô hình Chuẩn và các mô hình Chuẩn mở rộng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) 42 bài báo khoa học, trong đó 23 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Giảng viên, nghiên cứu viên luôn giữ vững đạo đức nghề nghiệp, đề cao tinh thần trách nhiệm và vai trò trong sự nghiệp giáo dục. Với tinh thần tâm huyết trong giảng dạy giảng viên không ngừng nỗ lực đổi mới phương pháp truyền đạt nhằm nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên. Đồng thời nghiên cứu viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu, công bố khoa học và hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu, góp phần thúc đẩy tri thức và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 09 năm 02 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019			3	4	200	300	500/602.5 /270
2	2019-2020				2	215	110	325/395.2/270
3	2020-2021				4	205	45	250/339.26/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023					45	45	90/108/135
5	2023-2024				2	95	135	230/311/135
6	2024-2025						90	90/153/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật Bản năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Nguyễn Hoàng Thịnh		X	X		10/2016 đến 12/2018	Trường ĐH Khoa Học Tự Nhiên, Tp. HCM	08/05/2019
2	Nguyễn Hữu Nghĩa		X	X		10/2017 đến 12/2019	Trường ĐH Khoa Học Tự Nhiên, Tp. HCM	19/07/2021
3	Trần Trí Dũng		X	X		10/2018 đến 12/2020	Trường ĐH Khoa Học Tự Nhiên, Tp. HCM	03/08/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Tìm các hạt Higgs trong các mô hình sau Mô Hình Chuẩn tại máy gia tốc tuyến tính ILC	CN	103.01-2016.33, cấp Bộ	01/04/2016 đến 30/04/2018	16/9/2019/đạt
2	Tích Phân Feynman 1-vòng lặp trong không gian bất kỳ và ứng dụng vào các hiện tượng luận của Vật Lý Higgs tại máy gia tốc tương lai	CN	103.01-2019.346, cấp Bộ	01/04/2020 đến 30/04/2023	5/4/2023/đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Loại Tạp chí	Số lần trích	Tập, số, trang	Tháng, năm
----	------------------------	------------	------------	----------------------------------	--------------	--------------	----------------	------------

		giả	chính	học/ISSN hoặc ISBN	quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	dẫn (không tính tự trích dẫn)		công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Tensor two-loop self-energy integrals	2	Có	Communications in Physics/ISSN:0886 -3166	- ACI		Vol. 20, No. 2 (2010), pp. 97- 111	06/2010
2	One- and two-loop integrals with XLOOPS-GiNaC	3	Không	PoS -Proceedings of Science/ISSN: 1824-8039			Volume 131, 016	12/2011
3	Full $O(\alpha)$ electroweak radiative corrections to $e^+e^- \rightarrow t\bar{t}\gamma$ with GRACE-Loop	10	Có	The European Physical Journal C (EPJC)/ ISSN: 1434-6052	EPJC - ISI IF: 4.4, Q1	13	Volume 73, 2400	04/2013
4	GRACE for ILC	3	Không	PoS -Proceedings of Science/ISSN: 1824-8039			Volume 211	08/2014
5	Thermodynamics for trajectories of a mass point	3	Không	Journal of Theoretical and Applied Physics/ ISSN: 2251-7235	IF: Q4	2	Volume 8 135–146	07/2014
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
6	Full $O(\alpha)$ electroweak radiative corrections to $e^+e^- \rightarrow e^+e^-\gamma$ at the ILC with GRACE-Loop	11	Có	Physics Letters B/ISSN: 0370- 2693	PLB - ISI IF: 4.3, Q1	8	Volume 740 192- 198	01/2015
7	Electroweak	5	Có	Proceedings,			61 (2016)	09/2015

	Corrections to Top-pair Production at Lepton Colliders			Physics Prospects for Linear and other Future Colliders after the Discovery of the Higgs (LFC15) : Trento, Italy, September 7-11, 2015, 72-78; Frascati Phys. Ser. 61 (2016) 72-78			72-78	
8	General ϵ-representation for scalar one-loop Feynman integrals	3	Có	Nuclear and Particle Physics Proceedings/ISSN: 2405-6014			Volumes 270–272 227-231	04/2016
9	Scalar one-loop four-point Feynman integrals with complex internal masses	1	Có	Progress of Theoretical and Experimental Physics/ISSN: 2050-3911	PTEP - ISI IF: 6.2, Q1	2	Volume 2017, Issue 6	06/2017
10	Scalar one-loop vertex integrals as meromorphic functions of space-time dimension d	3	Không	Acta Physica Polonica B/ISSN : 1509-5770			vol. 48, p. 2313	09/2017
11	Beam polarization effects on top-pair production at the ILC	4	Không	The European Physical Journal C (EPJC) / ISSN: 1434-6052	EPJC - ISI IF: 4.4, Q1	2	Volume 78,, article number 422,	05/2018
12	Scalar 1-loop Feynman integrals as meromorphic functions in space-time dimension d	2	Có	Physics Letters B/ISSN: 0370-2693	PLB - ISI IF: 4.3, Q1	14	Volume 791, Pages 257-264	04/2019
13	One-loop three-	2	Có	Progress of	PTEP -	6	Volume	06/2019

	point Feynman integrals with Appell F1 hypergeometric functions			Theoretical and Experimental Physics/ISSN: 2050-3911	ISI IF: 6.2, Q1		2019, Issue 6	
14	Hypergeometric presentation for one-loop contributing to $H \rightarrow Z\gamma$	2	Có	Progress of Theoretical and Experimental Physics/ISSN: 2050-3911	PTEP - ISI IF: 6.2, Q1	2	Volume 2022, Issue 5	05/2020
15	Scalar 1-loop Feynman integrals as meromorphic functions in space-time dimension d,II: special kinematics	1	Có	The European Physical Journal C (EPJC) / ISSN: 1434-6052	EPJC - ISI IF: 4.4, Q1	3	Volume 80,, article number 414,	05/2020
16	One-loop Form Factors for $H \rightarrow \gamma^* \gamma^*$ in R ξ Gauge	2	Có	Communications in Physics/ISSN:0886-3166	- ACI		vol. 32, no. 1, p. 77	05/2022
17	One-loop W boson contributions to the decay $H \rightarrow Z\gamma$ in the general Rξ gauge	3	Có	Progress of Theoretical and Experimental Physics/ISSN: 2050-3911	PTEP - ISI IF: 6.2, Q1	2	Volume 2021, Issue 9	09/2021
18	General one-loop contributions to the decay $H \rightarrow \nu_l \nu_l \gamma$	3	Có	Progress of Theoretical and Experimental Physics/ISSN: 2050-3911	PTEP - ISI IF: 6.2, Q1	9	Volume 2021, Issue 10	10/2021
19	An explanation of experimental data of $(g-2)_e, \mu$ in 3-3-1 models with inverse seesaw	5	Không	The European Physical Journal C (EPJC) / ISSN: 1434-6052	EPJC - ISI IF: 4.4, Q1	10	Volume 82, article number 722,	08/2022

	neutrinos							
20	One-loop contributions to the decay $H \rightarrow \nu \bar{\nu} l \nu l$ in the Standard Model revisited	2	Có	Progress of Theoretical and Experimental Physics/ISSN: 2050-3911	PTEP - ISI IF: 6.2, Q1	2	Volume 2022, Issue 2	02/2022
21	General one-loop formulas for $H \rightarrow f\bar{f}\gamma$ and its applications	4	Có	The European Physical Journal C (EPJC) / ISSN: 1434-6052	EPJC - ISI IF: 4.4, Q1	10	Volume 82, article number 277,	03/2022
22	One-loop off-shell decay $H^* \rightarrow ZZ$ at future colliders	3	Có	Communications in Physics/ISSN:0886-3166	- ACI		vol. 33, no. 4, p. 369.	06/2023
23	Effects of one-loop on-shell and off-shell decay $H^* \rightarrow VV$ at future lepton colliders	3	Có	Journal of Physics: Conference Series (JPCS)/ ISSN: 1742-6596		2	2485 (2023) 012001	09/2023
24	One-loop formulas for $H \rightarrow Z\nu l \nu l$ for $l = e, \mu, \tau$ in 't Hooft-Veltman gauge	2	Có	Chinese Physics C/ ISSN: 2058-6132	CPC - ISI IF: 3.6, Q1	1	Vol. 47, No. 5 (2023) 053106	03/2023
25	One-loop expressions for $h \rightarrow l \bar{l} \gamma$ in Higgs extensions of the Standard Model	4	Có	Progress of Theoretical and Experimental Physics/ISSN: 2050-3911	PTEP - ISI IF: 6.2, Q1	8	Volume 2023, Issue 8	08/2023
26	One-loop formulas for off-shell decay $H^* \rightarrow W^+W^-$ in 't Hooft-Veltman gauge and its applications	3	Có	Communications in Physics/ISSN:0886-3166			vol. 33, no. 3, p. 235	06/2023
27	One-loop contributions for	3	Có	Chinese Physics C/ ISSN: 2058-6132	CPC - ISI IF:	1	Vol. 48, No. 5	02/2024

	h → ℓℓ̄γ and e⁻e⁺ → hγ in U(1)_{B-L} extension of the Standard Model				3.6, Q1		(2024)	
28	One-Loop Contributions for A0 → ℓℓV with ℓ ≡ e, μ and V ≡ γ, Z in Higgs Extensions of the Standard Model	3	Có	Progress of Theoretical and Experimental Physics/ISSN: 2050-3911	PTEP - ISI IF: 6.2, Q1	1	Volume 2024, Issue 8	08/2024
29	Decay of CP-Even Higgs H → hγγ in the Two-Higgs Doublet Model: One-Loop Analytic Results and Ward Identity Checks	3	Có	Progress of Theoretical and Experimental Physics/ISSN: 2050-3911	PTEP - ISI IF: 6.2, Q1		Volume 2025, Issue 2	01/2025
30	One-loop analytical expressions for gg/γγ → φiφj in Higgs extensions of the standard model and their applications	3	Có	Chinese Physics C/ ISSN: 2058-6132	CPC - ISI IF: 3.6, Q1		Vol. 49, No. 5 (2025) 053102	05/2025
31	(g-2)e,μ and lepton flavor violating decays in a left-right model	5	Không	The European Physical Journal C (EPJC) / ISSN: 1434-6052	EPJC - ISI IF: 4.4, Q1		Volume 84, article number 1262,	12/2024
32	When the Standard Model Higgs meets its lighter 95 GeV twin	4	Không	Nuclear Physics, Section B (NPB)/ISSN: 0550-3213	NPB - ISI IF: 2.5, Q1	11	Volume 1015, 116909	04/2025
33	Hypergeometric	1	Có	Canadian Journal	CJP -	2	Volume	07/2019

	representation of one-loop Higgs decay to two photons			of Physics/ISSN : 1208-6045	SCIE IF: 1.1, Q3		97, Number 10	
34	Sphaleron in the first-order electroweak phase transition with the dimension-six Higgs field operator	4	Không	Physical Review D (PRD) /ISSN: 2470-0029	PRD - ISI IF: 4.2, Q1	9	Vol. 101, Iss. 11	06/2020
35	O(α^3) ISR Corrections to Single Higgs Productions at Future Lepton Colliders	2	Có	Communications in Physics/ISSN:0886-3166	- ACI		vol. 29, no. 2, p. 163	05/2019
36	Full (Oα) Electroweak Radiative Corrections to $e^-e^+ \rightarrow W^-W^+$ with Initial Beam Polarization Effects	3	Có	Communications in Physics/ISSN:0886-3166	- ACI		vol. 30, no. 2 p. 171	05/2020
37	Full O(α) electroweak radiative corrections to $e^+e^- \rightarrow ZH$ with beam polarizations at the ILC	2	Có	Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh/ISSN: 1859-3100			Tập. 15, Số. 3 (2018)	05/2018
38	Initial-state photon radiation to $e^-e^+ \rightarrow w^-w^+ \rightarrow 4$ jets at lepton colliders	3	Không	Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh/ISSN: 1859-			Vol. 17, No. 3	03/2020

				3100				
39	One-loop contributions to $H \rightarrow Z^* \gamma \rightarrow \nu \nu \gamma$ in the standard model	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân /ISSN:1859 - 4905.			Vol. 5, (48) (2021), 70-78	09/2021
40	The standard model-like higgs boson decay $h \rightarrow Z \gamma$ in the 3-3-1 simple model	6	Không	HPU2 Journal of Sciences: Natural Sciences and Technology/ISSN: 2815-5637			Vol. 4 No. 01 (2025)	03/2025
41	One-loop Feynman integrals with Carlson hypergeometric functions	1	Có	EPJ Web of Conferences 206, 02005 (2019)/ISSN: 2100-014X			Volume 206, 2019	04/2019
42	New one-loop formulas for $H \rightarrow \gamma\gamma, Z\gamma$	2	Có	Journal of Physics: Conference Series (JPCS)/ ISSN: 1742-6596			Volume 1506	08/2019

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 17 ([6] [9] [12] [13] [14] [15] [17] [18] [20] [21] [24] [25] [27] [28] [29] [30] [33])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	---	----------------	--------------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	-----------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2022-2023/27

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tỉnh Bình Dương , ngày 19 tháng 06 năm

2025

Người đăng ký



Phan Hồng Khiêm